



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch (từ ngày 21/4/2018)
	Thành viên (đến ngày 20/4/2018)
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch (đến ngày 20/4/2018)
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên (đến ngày 21/4/2018)
Ông Tạ Minh Tấn	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)
Bà Nguyễn Thị Khánh	Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2018)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00210-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		494.007.832.286	408.610.614.122
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	34.535.527.869	29.150.305.707
Tiền	111		34.535.527.869	29.150.305.707
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	91.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	10.000.000.000	91.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		221.787.493.945	186.287.133.116
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	197.887.430.603	162.008.913.977
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.213.358.773	4.641.166.814
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	8.800.000.000	7.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.161.531.931	16.058.546.777
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(4.274.827.362)	(4.021.494.452)
Hàng tồn kho	140	10	223.741.144.759	93.519.394.663
Hàng tồn kho	141		234.843.003.005	99.378.478.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.101.858.246)	(5.859.083.459)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.943.665.713	8.653.780.636
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	143.056.803	2.118.032.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		704.663.344	5.392.922.141
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	3.095.945.566	1.142.826.444

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		753.373.539.822	719.785.126.406
Tài sản cố định	220		635.662.830.773	292.501.714.527
Tài sản cố định hữu hình	221	11	626.233.003.984	291.997.714.527
Nguyên giá	222		996.410.354.560	643.620.685.033
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(370.177.350.576)	(351.622.970.506)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	8.988.826.789	-
Nguyên giá	225		9.154.831.169	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(166.004.380)	-
Tài sản cố định vô hình	227		441.000.000	504.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(257.000.000)	(194.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	13	6.814.162.932	6.678.359.689
Nguyên giá	231		11.682.399.869	11.191.936.286
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.868.236.937)	(4.513.576.597)
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.509.306.802	327.532.582.128
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	22.509.306.802	327.532.582.128
Đầu tư tài chính dài hạn	250		75.356.209.426	84.477.469.426
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	44.782.479.633	57.776.239.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	28.025.174.793	25.352.674.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	5(a)	1.200.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.031.029.889	8.595.000.636
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	13.031.029.889	8.595.000.636
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.247.381.372.108	1.128.395.740.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.039.485.926.605	920.149.652.156
Nợ ngắn hạn	310		543.516.750.766	406.661.563.599
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	84.369.763.661	143.531.660.724
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		978.434.626	1.236.610.188
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	90.883.432	96.029.955
Phải trả người lao động	314		8.880.308.237	8.502.508.369
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.121.318.581	1.534.435.826
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	4.980.743.543	2.166.538.744
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20(a)	440.414.324.193	248.397.796.470
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	21	1.680.974.493	1.195.983.323
Nợ dài hạn	330		495.969.175.839	513.488.088.557
Phải trả người bán dài hạn	331	16	16.977.649.431	29.096.292.462
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	2.818.945.253	3.554.323.061
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	14.331.923.822	26.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20(b)	461.840.657.333	454.505.549.212
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		207.895.445.503	208.246.088.372
Vốn chủ sở hữu	410	23	207.895.445.503	208.246.088.372
Vốn cổ phần	411	24	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	57.617.067.516	20.959.282.666
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.278.377.987	51.286.805.706
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.175.216.685	3.014.314.134
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.103.161.302	48.272.491.572
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.247.381.372.108	1.128.395.740.528

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng

Người duyệt: 

Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	912.418.320.321	769.815.629.322
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	326.415.960	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	912.091.904.361	769.815.629.322
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	863.046.944.847	740.328.860.195
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		49.044.959.514	29.486.769.127
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	37.026.345.285	42.226.672.022
Chi phí tài chính	22	31	52.030.411.438	28.089.303.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.281.364.461	25.061.419.378
Chi phí bán hàng	25	32	7.319.332.367	7.223.512.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	17.342.944.479	15.108.680.810
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		9.378.616.515	21.291.944.888
Thu nhập khác	31		1.404.748.170	35.637.452.000
Chi phí khác	32		391.786.630	1.807.332.247
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.012.961.540	33.830.119.753
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.391.578.055	55.122.064.641
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.288.416.753	6.849.573.069
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		9.103.161.302	48.272.491.572

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.391.578.055	55.122.064.641
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		48.551.927.929	27.777.510.936
Các khoản dự phòng	03		5.496.107.697	4.116.009.760
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.978.689.787)	(35.842.338)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(24.519.804.635)	(31.406.293.438)
Chi phí lãi vay	06		35.281.364.461	25.061.419.378
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(33.532.252.504)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		73.222.483.720	47.102.616.435
Biến động các khoản phải thu	09		(31.639.579.887)	3.865.747.801
Biến động hàng tồn kho	10		(135.464.524.883)	17.341.936.617
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(62.856.841.808)	38.867.262.765
Biến động chi phí trả trước	12		7.405.116.191	5.936.889.820
			(149.333.346.667)	113.114.453.438
Tiền lãi vay đã trả	14		(30.132.032.545)	(24.248.333.183)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.710.314.998)	(8.153.796.238)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	976.416.320
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(808.813.001)	(748.604.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(181.984.507.211)	80.940.136.336

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(98.872.335.467)	(338.409.176.913)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		826.873.038	3.740.721.409
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(34.750.000.000)	(116.850.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		113.350.000.000	147.252.729.421
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.474.740.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		14.419.000.000	685.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		10.868.512.799	16.876.376.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.367.310.370	(286.704.349.129)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		852.764.477.730	1.000.137.986.025
Tiền trả nợ gốc vay	34		(659.446.017.548)	(765.921.602.835)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(404.290.695)	-
Tiền trả cổ tức	36		(7.904.396.500)	(7.318.520.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		185.009.772.987	226.897.862.690
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		5.392.576.146	21.133.649.897
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		29.150.305.707	8.249.659.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.353.984)	(233.003.592)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	34.535.527.869	29.150.305.707

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 5 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2018: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 1.320 nhân viên (1/1/2018: 1.308 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 49.509 triệu VND (1/1/2018: tài sản ngắn hạn vượt quá nợ ngắn hạn là 1.949 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 20(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào kết quả kinh doanh trong vòng 12 tháng kế tiếp nhằm tiếp tục cung cấp các nguồn thu về tài chính cần thiết, giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Giám đốc tin rằng kết quả kinh doanh trong vòng 12 tháng kế tiếp sẽ đảm bảo được nguồn tài chính cần thiết cho Tổng Công ty.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 50 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	866.615.892	485.742.000
Tiền gửi ngân hàng	33.668.911.977	28.664.563.707
	<hr/>	<hr/>
	34.535.527.869	29.150.305.707

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	91.000.000.000	91.000.000.000
<hr/>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	1.200.000.000	(*)	-	-
<hr/>				

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,3% đến 7,2% (2017: từ 1% đến 4,8%) một năm.

(ii) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất 6,3% một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018			1/1/2018			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định (i)	100,00%	100,00%	5.000.000.000	87,78%	87,78%	10.533.260.000	(*)
• Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định (ii)	62,58%	62,58%	5.632.500.000	86,34%	86,34%	4.317.000.000	(*)
• Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)
• Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định	90,88%	90,88%	27.264.000.000	90,88%	90,88%	27.264.000.000	(*)
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định (iii)	-	-	-	78,65%	78,65%	4.326.000.000	(*)
• Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định (iv)	-	-	-	89,00%	89,00%	4.450.000.000	(*)
			44.782.479.633			57.776.239.633	
▪ Công liên kết							
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định (v)	36,00%	36,00%	3.045.174.793	41,82%	41,82%	2.352.674.793	(*)
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định (iii)	36,00%	36,00%	1.980.000.000	-	-	-	(*)
			28.025.174.793			25.352.674.793	
▪ Đơn vị khác							
• Ngân hàng TMCP Công thương	0,002%	0,002%	1.348.555.000	0,002%	0,002%	1.348.555.000	(*)
			74.156.209.426			84.477.469.426	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Trong năm, Tổng Công ty mua thêm 12,22% phần vốn góp còn lại của Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định từ các bên khác. Theo đó, quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty tăng lên thành 100%. Tại ngày 25 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định xuống còn 5.000 triệu VND.
- (ii) Trong năm, Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ vốn cổ phần mua thêm của Tổng Công ty không tăng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại công ty này. Theo đó, quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty giảm xuống còn 62,58%.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng 42,65% vốn cổ phần của Công ty CP May V Dệt May Nam Định cho các bên khác. Theo đó, quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty giảm xuống còn 36%. Công ty CP May V Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.
- (iv) Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định cho một bên khác.
- (v) Trong năm, Công ty CP May I Dệt May Nam Định phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ vốn cổ phần mua thêm của Tổng Công ty không tăng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại công ty này. Theo đó, quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty giảm xuống còn 36%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.243.500	1.182.254.004
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	101.060.660.868	114.481.455.006
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	2.901.401.186	3.125.371.054
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	173.892.215	182.590.600
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	70.585.308	273.103.148
Công ty CP Sợi Thanh Châu	-	2.254.229.989
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	2.042.812.500	3.601.983.151
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	1.825.420	19.800.000
Bên khác		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	15.535.644.101	-
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	13.793.950.080	2.705.692.384
Jiangsu Lianfa Textile Material Co., Ltd	8.368.329.715	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	7.862.467.874	5.800.627.263
Shandong Ruyi Technology Group Co., Ltd.	6.999.152.448	-
Các khách hàng khác	39.069.465.388	28.381.807.378
	197.887.430.603	162.008.913.977

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất 7,5% (2017: 7,8%) một năm khi quá hạn mà các công ty con này chưa thanh toán.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	8.800.000.000	7.600.000.000

Các khoản cho vay cấp cho Công ty CP May V Dệt May Nam Định không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7,5% (2017: 6%) một năm.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải thu các công ty con và các công ty liên kết	4.211.917.500	4.040.870.400
Phải thu tiền lãi cho vay từ công ty liên kết	748.278.425	712.731.210
Phải thu các công ty con về tiền đất cho thuê	1.491.492.281	4.470.641.854
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	5.793.421.544	2.924.339.219
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	3.200.000.000
Ký cược, ký quỹ	609.662.597	451.241.179
Phải thu khác	1.106.759.584	258.722.915
	17.161.531.931	16.058.546.777

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong năm 2017, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được trong năm. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục chi trả một số chi phí bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời này với tổng giá trị là 2.869 triệu VND. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ khoản chi phí phát sinh thêm này theo các quy định nói trên.

Tại ngày báo cáo, Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng toàn bộ các khoản xin hỗ trợ này sẽ được hoàn lại.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty con		
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	1.736.123.588	551.323.712
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	1.363.200.000	4.772.011.314
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	908.778.693	650.920.981
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	840.000.000	581.330.400
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	283.620.000	283.620.000
Công ty liên kết		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	906.678.425	2.023.687.057
Công ty CP May I Dệt May Nam Định	413.287.500	361.350.000
	6.451.688.206	9.224.243.464

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến 1 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến 1 năm	118.515.062	(118.515.062)	-
Khác	Từ 2-3 năm	289.853.138	(202.897.197)	86.955.941	Từ 2-3 năm	137.827.154	(41.348.146)	96.479.008
Khác	Trên 3 năm	1.070.355.738	(1.070.355.738)	-	Trên 3 năm	174.911.931	(122.438.352)	52.473.579
						856.133.527	(856.133.527)	-
		4.361.783.303	(4.274.827.362)	86.955.941		4.170.447.039	(4.021.494.452)	148.952.587

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(4.274.827.362)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.648.629.876	-	5.662.644.761	-
Nguyên vật liệu	96.582.182.911	(2.494.191.142)	46.895.725.675	-
Công cụ và dụng cụ	124.476.905	-	227.412.424	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.364.615.106	(224.075.911)	6.394.504.949	-
Thành phẩm	99.123.832.368	(7.719.040.545)	29.004.593.352	(4.140.160.047)
Hàng hóa	22.941.032.174	(633.977.974)	11.135.363.296	(1.718.923.412)
Hàng gửi đi bán	58.233.665	(30.572.674)	58.233.665	-
	234.843.003.005	(11.101.858.246)	99.378.478.122	(5.859.083.459)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 62.036 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2018: 19.873 triệu VND hàng tồn kho) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	174.996.292.021	1.604.259.970	448.510.805.285	18.509.327.757	643.620.685.033
Mua mới trong năm	-	-	225.181.945	-	225.181.945
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	99.545.899.430	1.153.144.518	259.018.998.429	20.159.514.489	379.877.556.866
Thanh lý	(721.979.075)	-	(26.591.090.209)	-	(27.313.069.284)
Số dư cuối năm	273.820.212.376	2.757.404.488	681.163.895.450	38.668.842.246	996.410.354.560
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	48.431.875.657	1.266.718.738	295.347.120.976	6.577.255.135	351.622.970.506
Khấu hao trong năm	11.462.110.119	70.012.728	30.740.500.398	3.329.599.612	45.602.222.857
Thanh lý	(667.538.454)	-	(26.380.304.333)	-	(27.047.842.787)
Số dư cuối năm	59.226.447.322	1.336.731.466	299.707.317.041	9.906.854.747	370.177.350.576
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	126.564.416.364	337.541.232	153.163.684.309	11.932.072.622	291.997.714.527
Số dư cuối năm	214.593.765.054	1.420.673.022	381.456.578.409	28.761.987.499	626.233.003.984

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 200.445 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 217.430 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 520.881 triệu VND (1/1/2018: 234.056 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.154.831.169
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.154.831.169
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	166.004.380
	<hr/>
Số dư cuối năm	166.004.380
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	8.988.826.789
	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 8.989 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	11.191.936.286
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	831.565.455
Thanh lý	(341.101.872)
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.682.399.869
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.513.576.597
Khấu hao trong năm	672.193.192
Thanh lý	(317.532.852)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.868.236.937
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.678.359.689
Số dư cuối năm	6.814.162.932
	<hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	327.532.582.128	121.671.392.258
Tăng trong năm	96.755.355.860	365.736.439.845
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(379.877.556.866)	(148.581.913.509)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(318.422.028)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.596.255.668)	(9.761.965.557)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(831.565.455)	(1.531.370.909)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(9.154.831.169)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	22.509.306.802	327.532.582.128

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.262.879.215	13.077.730.130
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	4.379.346.226
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	577.844.086	337.053.941
Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	-	308.791.031.966
Các công trình khác	3.655.216.366	947.419.865
	<hr/>	<hr/>
	22.509.306.802	327.532.582.128

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.342 triệu VND (2017: 4.580 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có công trình xây dựng cơ bản dở dang nào được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (1/1/2018: 302.076 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	130.223.469	2.056.260.792
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.833.334	61.771.259
	143.056.803	2.118.032.051

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.400.998.312	5.194.002.324	8.595.000.636
Tăng trong năm	-	1.931.667.687	1.931.667.687
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	11.596.255.668	11.596.255.668
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(191.505.680)	(191.505.680)
Phân bổ trong năm	(2.048.507.500)	(6.851.880.922)	(8.900.388.422)
	1.352.490.812	11.678.539.077	13.031.029.889

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định (công ty con)	2.135.361.987	6.083.153.205
Các bên liên quan khác	-	300.000.000
Bên khác		
Osc Cotton Trading L.L.C	18.189.804.525	-
Agrocorp International Pte., Ltd	14.777.567.424	-
Ecom Agroindustrial Corporation Ltd	14.712.728.088	-
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	10.645.605.894	11.946.057.250
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	4.196.681.550	5.326.404.777
Cargill Cotton Limited	-	68.203.934.190
Các nhà cung cấp khác	36.689.663.624	80.768.403.764
	101.347.413.092	172.627.953.186

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	84.369.763.661	143.531.660.724
Dài hạn	16.977.649.431	29.096.292.462
	101.347.413.092	172.627.953.186

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	(468.779.123)	50.175.329.910	(51.706.550.787)	(2.000.000.000)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	28.080.869	18.448.796.953	(18.444.099.885)	32.777.937
Thuế nhập khẩu	-	1.061.786.670	(1.061.786.670)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(650.426.931)	1.288.416.753	(1.710.314.998)	(1.072.325.176)
Thuế thu nhập cá nhân	55.499.912	272.989.448	(282.962.774)	45.526.586
Thuế tài nguyên	12.449.174	292.014.986	(291.885.251)	12.578.909
Tiền thuê đất	-	4.531.927.249	(4.531.927.249)	-
Các loại thuế khác	(23.620.390)	103.832.000	(103.832.000)	(23.620.390)
	(1.046.796.489)	76.175.093.969	(78.133.359.614)	(3.005.062.134)
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(1.142.826.444)			(3.095.945.566)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	96.029.955			90.883.432

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	966.207.202	349.875.933
Chi phí điện, nước phải trả	891.730.506	835.105.348
Chi phí khác	263.380.873	349.454.545
	2.121.318.581	1.534.435.826

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.609.994.404	143.871.719
Cổ tức phải trả	1.195.740.000	940.136.500
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	1.943.329.139	224.800.525
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	231.680.000	857.730.000
	4.980.743.543	2.166.538.744

(*) Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	14.212.500.000	26.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	14.331.923.822	26.331.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay và nợ thuế tài chính

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	242.679.826.611	788.627.829.114	(650.652.338.312)	(1.887.543.840)	378.767.773.573	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	5.717.969.859	60.570.478.349	(5.717.969.859)	-	60.570.478.349	
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(b))	-	1.076.072.271	-	-	1.076.072.271	
	248.397.796.470	850.274.379.734	(656.370.308.171)	(1.887.543.840)	440.414.324.193	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,5% - 4%	152.138.672.405	52.604.994.582
Vay ngân hàng 2	USD	4,2%	77.730.089.898	56.632.879.392
Vay ngân hàng 3	USD	3,5% - 4%	73.202.536.380	18.639.602.657
Vay ngân hàng 4	USD	4,5% - 4,7%	31.721.691.634	-
Vay ngân hàng 5	VND	4,5%	28.638.466.080	-
Vay ngân hàng 6	VND	7,4%	5.240.841.115	13.708.792.640
Vay ngân hàng 7	VND	7,4%	-	36.246.802.726
Vay ngân hàng 8	USD	3,8%	-	5.277.729.273
Vay ngân hàng 9	VND	8%	-	32.939.866.984
Vay cá nhân	VND	5,16% - 6%	10.095.476.061	26.629.158.357
			378.767.773.573	242.679.826.611

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 34.219 triệu VND (1/1/2018: 26.982 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn (i)	516.656.769.328	460.223.519.071
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.830.438.625	-
	523.487.207.953	460.223.519.071
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(61.646.550.620)	(5.717.969.859)
	461.840.657.333	454.505.549.212

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	8,8%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	136.867.416.361	134.052.944.328
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	7,5%	2021	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 1 (***)	VND	8% - 9,4%	2023	101.383.335.527	89.215.170.950
Vay từ ngân hàng 2	USD	4,85% - 5,2%	2022	35.204.846.549	13.887.442.018
Vay từ ngân hàng 3	USD	6,5%	2022	-	260.997.800
Vay từ ngân hàng 4	USD	4,5%	2024	-	737.935.740
Vay từ ngân hàng 5 (***)	USD	5%	2022	167.377.432.283	145.638.089.627
Vay từ ngân hàng 6	VND	10%	2022	1.824.350.000	2.431.550.000
				516.656.769.328	460.223.519.071

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 124.365 triệu VND (1/1/2018: 133.647 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 325.718 triệu VND (1/1/2018: xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 302.076 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 36.579 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 73.427 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2018			1/1/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	1.118.577.126	42.504.855	1.076.072.271	-	-	-
Trong vòng hai đến năm năm	4.474.308.503	170.019.419	4.304.289.084	-	-	-
Sau năm năm	1.507.355.322	57.278.052	1.450.077.270	-	-	-
	7.100.240.951	269.802.326	6.830.438.625	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong nợ thuê tài chính có số nợ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 294.035 USD.

Khoản vay nợ thuê tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.989 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 12).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Số dư đầu năm	1.195.983.323	1.370.432.250
Trích lập trong năm	1.293.804.171	574.155.074
Sử dụng trong năm	(808.813.001)	(748.604.001)
Số dư cuối năm	1.680.974.493	1.195.983.323

22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	136.000.000.000	10.193.875.041	21.833.876.833	168.027.751.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	48.272.491.572	48.272.491.572
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(574.155.074)	(574.155.074)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	10.765.407.625	(10.765.407.625)	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(7.480.000.000)	(7.480.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	136.000.000.000	20.959.282.666	51.286.805.706	208.246.088.372
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.103.161.302	9.103.161.302
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.293.804.171)	(1.293.804.171)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	36.657.784.850	(36.657.784.850)	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(8.160.000.000)	(8.160.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	136.000.000.000	57.617.067.516	14.278.377.987	207.895.445.503

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2018 và 1/1/2018		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

25. Cổ tức

Ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 8.160 triệu VND cho các cổ đông (2017: 7.480 triệu VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	487.786.750	-
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	6.991.610.083
Sau năm năm	56.908.454.167	58.697.005.583
	65.200.828.917	65.688.615.666

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.056.470	24.463.648.862	184.277	4.175.776.854
EUR	450	11.877.561	339	9.179.988
		24.475.526.423		4.184.956.842

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng:		
▪ Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị	95.510.000.000	4.500.000.000
▪ Dự án di dời Tổng Công ty ra Khu Công nghiệp Hòa Xá	23.130.000.000	-
	118.640.000.000	4.500.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	771.538.396.574	635.287.542.839
▪ Cung cấp dịch vụ	41.289.147.151	42.869.034.971
▪ Dịch vụ gia công	95.884.534.721	88.732.996.084
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.706.241.875	2.926.055.428
	<hr/> 912.418.320.321	<hr/> 769.815.629.322
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(326.415.960)	-
	<hr/> 912.091.904.361	<hr/> 769.815.629.322

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2018 VND	2017 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	734.405.964.879	617.780.372.917
Dịch vụ đã cung ứng	30.527.036.463	27.457.147.798
Dịch vụ gia công	91.267.701.834	89.844.463.062
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.603.466.884	1.394.647.539
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.242.774.787	3.852.228.879
	<hr/> 863.046.944.847	<hr/> 740.328.860.195

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.396.809.614	6.367.138.122
Lãi do người mua chậm trả	7.251.537.124	7.211.061.501
Cổ tức được chia	21.961.917.500	24.787.018.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.793.081.047	3.604.356.907
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	623.000.000	256.952.556
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	144.336
	37.026.345.285	42.226.672.022

31. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	35.281.364.461	25.061.419.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.749.046.977	3.027.883.790
	52.030.411.438	28.089.303.168

32. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí vận chuyển	1.990.574.504	1.660.815.289
Chi phí đại lý bán hàng	1.531.351.523	1.600.471.017
Chi phí xuất khẩu	2.224.306.336	2.827.756.805
Chi phí bán hàng khác	1.573.100.004	1.134.469.172
	7.319.332.367	7.223.512.283

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	5.472.029.043	4.117.809.189
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	253.332.910	234.316.880
Chi phí phân bổ trả trước	1.188.648.327	4.123.259.836
Chi phí khấu hao	1.264.253.390	493.426.686
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.164.680.809	6.139.868.219
	17.342.944.479	15.108.680.810
	17.342.944.479	15.108.680.810

34. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	474.095.442.256	324.764.756.217
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	139.392.832.385	203.016.145.939
Chi phí nhân công	108.460.825.530	88.577.733.231
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.551.927.929	27.777.510.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.753.245.809	75.872.933.830
Chi phí khác	32.349.965.835	22.736.403.744
	1.173.548.239.734	1.042.668.483.687
	1.173.548.239.734	1.042.668.483.687

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.381.727.814	6.849.573.069
Dự phòng thừa trong những năm trước	(93.311.061)	-
	1.288.416.753	6.849.573.069
	1.288.416.753	6.849.573.069

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.391.578.055	55.122.064.641
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.078.315.611	11.024.412.928
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.695.795.703	782.563.861
Thu nhập không bị tính thuế	(4.392.383.500)	(4.957.403.720)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(93.311.061)	-
	1.288.416.753	6.849.573.069

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.056.855.671	1.459.211.504
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.631.315.174	-
Vay	-	113.725.000.000
Hoàn trả khoản vay	136.867.416.361	-
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.814.472.033	684.224.303
Chi phí lãi vay	5.719.946.202	3.523.232.900
Công ty con		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Cổ tức	283.620.000	283.620.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	52.699.276	47.693.276
Mua dịch vụ	9.580.841.167	10.256.634.756
Vay	-	9.000.000.000
Chi phí lãi vay	626.250.000	325.416.667
Thu nhập lãi trả chậm	63.593.838	109.093.852

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Cổ tức	840.000.000	421.330.400
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.847.827.554	8.567.440.417
Mua hàng hóa	8.750.000	238.530.000
Thoái vốn	7.000.000.000	-
Thu nhập lãi trả chậm	112.300.684	-
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Cổ tức	431.700.000	431.700.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.727.216.558	48.005.384.613
Mua hàng hóa	13.579.044.907	22.528.586.401
Khoản cho vay	-	1.600.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	-	1.600.000.000
Thu nhập lãi vay	-	5.666.661
Thu nhập lãi trả chậm	344.677.038	138.321.080
Bán máy móc thiết bị	-	254.545.455
Đầu tư vào công ty con	1.315.500.000	-
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định		
Cổ tức	721.710.000	400.950.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.895.432.685	1.476.103.804
Khoản cho vay	-	1.000.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	-	1.000.000.000
Thu nhập lãi vay	-	22.177.444
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	1.363.200.000	1.635.840.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	208.843.878.303	231.544.396.471
Mua hàng hóa	124.140.151.068	150.858.225.247
Thu nhập lãi trả chậm	6.709.360.086	6.860.302.921
Công ty CP Sợi Thanh Châu (từ 1/1/2018 đến 30/11/2018)		
Bán hàng hóa	2.341.502.548	29.178.964.559
Mua hàng hóa	13.005.101.429	31.590.799.382
Thoái vốn	4.450.000.000	-
Công ty liên kết		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Cổ tức	158.400.000	346.080.000
Bán hàng hóa	1.125.261.054	1.160.535.088
Khoản cho vay	12.600.000.000	12.200.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	11.400.000.000	12.210.000.000
Thu nhập lãi vay	573.528.271	552.704.940
Thu nhập lãi trả chậm	197.500.000	212.437.500
Thoái vốn	2.346.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	17.750.000.000	20.750.000.000
Bán hàng hóa	44.083.572	47.872.697
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty	-	976.416.320
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cổ tức	413.287.500	361.350.000
Cung cấp dịch vụ	823.542.750	696.358.858
Góp vốn cổ phần	692.500.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Bông Miền Bắc		
Cổ tức	-	40.000.000
Thoái vốn	-	428.047.444
Công ty CP Sợi Phú Bài		
Biếu tặng máy móc thiết bị	-	307.943.618
Công ty CP May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.261.156.276
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	799.250.316	666.736.673

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu	12.283.620.000	15.000.000.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.814.472.033	684.224.303

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

